

Số: 35 /CTĐT

Bến Tre, ngày 28 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

- Mã chứng khoán: BTU
- Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Điện thoại liên hệ: 0275 3826 358
- E-mail: ctdt_bt@yahoo.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/03/2025 tại đường dẫn: <http://www.congtrinhdothibentre.vn>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán.
- BCTC năm 2024 hợp nhất đã được kiểm toán.
- Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Cẩm Vũ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Số: 36/CTĐT

Về việc Giải trình chênh lệch lợi
nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
tại Báo cáo tài chính năm 2024 thay
đổi hơn 10% so với báo cáo năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

- Mã chứng khoán: BTU; Sàn giao dịch: UPCOM
- Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại liên hệ: 0275 3826 358
- E-mail: ctdt_bt@yahoo.com; Website: congtrinhdothibentre.vn

Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2024 lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Năm 2024: 11.208.363.632 đồng
- Năm 2023: 7.377.480.583 đồng.
- Chênh lệch: 3.830.883.049 đồng

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Năm 2024: 11.765.840.251 đồng.
- Năm 2023: 8.539.515.231 đồng.
- Chênh lệch: 3.226.325.020 đồng.

Nguyên nhân chính chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hơn 10% tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất: Do năm 2024 doanh thu tăng 3.175,5 triệu đồng, đồng thời trong năm 2024 Công ty đã sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, tinh giản lao động làm cho tổng chi phí giảm 368,5 triệu đồng.

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre xin giải trình với quý cơ quan.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2025 tại đường dẫn: <http://www.congtrinhdothibentre.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên (để giải trình),
- Lưu TCKT, TK Cty.



Nguyễn Tấn Vũ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
BẾN TRE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	14 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bến Tre thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Ngày 11 tháng 3 năm 2016, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BTU.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : 0753.826358

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2020
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Bà Huỳnh Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trịnh Văn Đẩu	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2020
Ông Võ Minh Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2020
Bà Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024
Bà Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Văn Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Tấn Vũ
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

5-
HÀN
Y TI
VÀ T
C
HÀN TI
-TP.

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 4.0130/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 19 tháng 3 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1
Người được ủy quyền



Nguyễn Hữu Nghi
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2025-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.188.817.352	66.157.905.749
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.406.251.865	27.383.022.580
1. Tiền	111		8.406.251.865	4.383.022.580
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	23.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	6.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.050.034.093	31.068.962.796
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	56.286.303.963	32.578.931.898
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.599.109.677	2.779.222.677
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.661.885.785	2.896.273.337
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9.497.265.332)	(7.185.465.116)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.250.851.640	7.499.772.290
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.250.851.640	7.499.772.290
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		481.679.754	206.148.083
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	361.689.549	60.127.762
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	119.990.205	146.020.321
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.268.663.490	14.637.013.231
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.565.970.393	7.871.376.359
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.565.970.393	7.871.376.359
- Nguyên giá	222		35.276.014.586	29.024.940.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.710.044.193)	(21.153.564.353)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	34.726.800
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	34.726.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		702.693.097	1.730.910.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	702.693.097	1.730.910.072
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		104.457.480.842	80.794.918.980

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		43.235.889.158	25.113.222.106
I. Nợ ngắn hạn	310		43.235.889.158	25.113.222.106
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.709.997.388	1.619.223.297
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.055.388.046	904.816.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.506.484.930	882.670.572
4. Phải trả người lao động	314	V.14	11.079.869.330	4.189.689.086
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	759.105.373	843.068.560
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	20.745.632.080	9.966.007.061
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	64.545.455
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	4.510.229.906	5.882.196.673
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.869.182.105	761.005.103
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.221.591.684	55.681.696.874
I. Vốn chủ sở hữu	410		61.221.591.684	55.681.696.874
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	15.790.659.570	11.879.948.946
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	9.430.932.114	7.801.747.928
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		3.110.241.574	2.668.841.693
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.320.690.540	5.132.906.235
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		104.457.480.842	80.794.918.980

Trần Thị Hồng Mai
Người lập

Trần Thị Vân Nghi
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Lê Văn Vũ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	84.594.104.064	85.287.289.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.594.104.064	85.287.289.608
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.085.367.808	65.089.743.808
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.508.736.256	20.197.545.800
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.555.265.241	2.751.868.272
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	15.744.651.462	15.039.429.358
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.319.350.035	7.909.984.714
11. Thu nhập khác	31	VI.5	84.256.649	128.456.661
12. Chi phí khác	32	VI.6	32.723.793	209.270.941
13. Lợi nhuận khác	40		51.532.856	(80.814.280)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.370.882.891	7.829.170.434
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.162.519.259	451.689.851
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.208.363.632</u>	<u>7.377.480.583</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7		

Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2025




Trần Thị Hồng Mai
Người lập


Trần Thị Vân Nghi
Kế toán trưởng


Lê Văn Vũ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.370.882.891	7.829.170.434
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	2.556.479.840	2.249.731.391
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.18	4.338.799.048	7.430.628.764
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.526.771.761)	(903.823.483)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.739.390.018	16.605.707.106
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.333.274.389)	(15.793.445.395)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.248.920.650	(1.449.976.993)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.687.427.414	1.261.600.792
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		726.655.188	110.330.232
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(800.000.000)	(200.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	94.353.833	59.480.527
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1.054.645.653)	(1.005.483.881)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.308.827.061	(411.787.612)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(6.216.347.074)	(1.325.635.891)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	2.593.204.753	903.823.483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.623.142.321)	(421.812.408)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(64.545.455)	(250.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, V.20a	(3.597.910.000)	(3.568.645.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.662.455.455)	(3.818.645.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.976.770.715)	(4.652.245.020)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.383.022.580	32.035.267.600
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	25.406.251.865	27.383.022.580

Trần Thị Hồng Mai
Người lập

Trần Thị Vân Nghi
Kế toán trưởng



Lê Văn Vũ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre có trụ sở chính tại số 26, Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ chăm sóc cây xanh công viên, hệ thống chiếu sáng công cộng, xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 129 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 188 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ gồm dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	401.767.286	497.819.836
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.004.484.579	3.885.202.744
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	17.000.000.000	23.000.000.000
Cộng	25.406.251.865	27.383.022.580

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 94 ngày	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre ⁽¹⁾	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301024140 ngày 16 tháng 01 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 17 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã đăng ký.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre là công ty con như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
Thi công công trình	1.226.932.840		1.129.930.491	
Cho thuê xe	80.370.000		107.160.000	
Cho thuê đất	27.875.000		11.150.000	
Nhận cung cấp dịch vụ	2.489.511.258		10.518.043.396	
Lợi nhuận được chia	1.019.166.628		1.848.044.789	
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Công ty Cổ phần Xử lý Rác thải Bến Tre	10.164.498.070		10.164.498.070	
Phòng Quản lý Đô thị thành phố Bến Tre	38.264.482.002		11.283.062.378	
Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP. Hồ Chí Minh	-		3.162.394.987	
Các khách hàng khác	7.857.323.891		7.968.976.463	
Cộng	<u>56.286.303.963</u>		<u>32.578.931.898</u>	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Diên Hà	1.459.222.677		1.459.222.677	
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	-		1.320.000.000	
Các nhà cung cấp khác	139.887.000		-	
Cộng	<u>1.599.109.677</u>		<u>2.779.222.677</u>	
5. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu bên liên quan	781.611.797	-	1.848.044.789	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre - Lợi nhuận được chia	781.611.797	-	1.848.044.789	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.880.273.988	-	1.048.228.548	-
Ký quỹ bảo lãnh tạm ứng thực hiện hợp đồng	468.868.000	-	468.868.000	-
Phải thu cổ phần hóa	380.942.818	-	380.942.818	-
Tạm ứng	1.009.000.000	-	179.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.463.170	-	19.417.730	-
Cộng	<u>2.661.885.785</u>	<u>-</u>	<u>2.896.273.337</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xử lý Rác thải Bến Tre - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 2 năm đến trên 3 năm	10.164.498.070	1.166.498.181	Từ 1 năm đến trên 3 năm	10.164.498.070	3.353.305.034
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	514.315.918	15.050.475	Trên 3 năm	374.272.080	-
Cộng		10.678.813.988	1.181.548.656		10.538.770.150	3.353.305.034

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.185.465.116	4.535.480.586
Trích lập dự phòng bổ sung	2.311.800.216	2.649.984.530
Số cuối năm	9.497.265.332	7.185.465.116

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	94.535.585	-	308.499.220	-
Công cụ, dụng cụ	69.628.627	-	69.628.627	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dờ dang	4.038.708.242	-	7.073.665.257	-
Hàng hóa	47.979.186	-	47.979.186	-
Cộng	4.250.851.640	-	7.499.772.290	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	226.653.042	36.787.759
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	131.402.757	17.500.003
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.633.750	5.840.000
Cộng	361.689.549	60.127.762

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	205.396.196	965.065.233
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	113.718.332	344.964.588
Tiền thuê đất trả trước	378.793.569	388.146.501
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.785.000	32.733.750
Cộng	702.693.097	1.730.910.072

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.036.996.490	1.979.168.545	21.932.663.682	76.111.995	29.024.940.712
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	6.251.073.874	-	6.251.073.874
Số cuối năm	5.036.996.490	1.979.168.545	28.183.737.556	76.111.995	35.276.014.586
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.820.752.745	1.575.214.000	9.064.686.122	76.111.995	12.536.764.862
Chờ thanh lý	-	-	1.114.826.273	-	1.114.826.273
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.059.497.044	1.771.952.256	15.246.003.058	76.111.995	21.153.564.353
Khấu hao trong năm	233.247.259	61.050.648	2.262.181.933	-	2.556.479.840
Số cuối năm	4.292.744.303	1.833.002.904	17.508.184.991	76.111.995	23.710.044.193
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	977.499.446	207.216.289	6.686.660.624	-	7.871.376.359
Số cuối năm	744.252.187	146.165.641	10.675.552.565	-	11.565.970.393
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	34.726.800	6.216.347.074	(6.251.073.874)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	108.902.936	-	(108.902.936)	-
Cộng	34.726.800	6.325.250.010	(6.251.073.874)	(108.902.936)	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	275.751.987	538.033.049
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	275.751.987	538.033.049
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.434.245.401	1.081.190.248
Công ty TNHH Dịch vụ Thiết bị Môi trường Bến Tre	468.684.762	1.003.999.264
Công ty Cổ phần Núi Hồng	380.105.559	-
Công ty TNHH Xây dựng Thiên Phú Bến Tre	364.093.809	-
Các nhà cung cấp khác	221.361.271	77.190.984
Cộng	1.709.997.388	1.619.223.297

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	24.165.270
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre	-	24.165.270
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.055.388.046	880.651.029
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre	828.462.773	857.334.000
Ủy ban nhân dân xã Phú An Hòa	133.016.707	-
Các khách hàng khác	93.908.566	23.317.029
Cộng	1.055.388.046	904.816.299

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	661.712.042	-	4.801.957.537	(4.207.621.987)	1.256.047.592	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	112.081.921	1.162.519.259	(800.000.000)	250.437.338	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.837.590	-	504.889.745	(647.717.540)	-	119.990.205
Thuế nhà đất	-	-	298.656	(298.656)	-	-
Tiền thuê đất	-	33.938.400	113.128.000	(79.189.600)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	198.120.940	-	10.037.527	(208.158.467)	-	-
Cộng	882.670.572	146.020.321	6.592.830.724	(5.942.986.250)	1.506.484.930	119.990.205

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng	Không chịu thuế
- Dịch vụ công ích, xử lý rác thải sinh hoạt trong khu chế xuất	0%
- Dịch vụ công ích, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014, và Điều 15 của Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% đối với thu nhập từ lĩnh vực xã hội hóa.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.370.882.891	7.829.170.434
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	270.115.379	976.717.126
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(25.575.900)
Thu nhập chịu thuế	12.640.998.270	8.780.311.660
Thu nhập được miễn thuế	(1.019.166.628)	(1.848.044.789)
Thu nhập tính thuế	11.621.831.642	6.932.266.871
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.324.366.328	1.386.453.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.162.183.164)	(693.226.687)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(346.613.344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.162.183.164	346.613.343
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	336.095	105.076.508
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.162.519.259	451.689.851

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Vi trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/năm)</u>
- Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 7, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	264,3	85.253.000
- Thửa đất số 301, tờ bản đồ số 11, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	103,7	27.875.000

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	11.079.869.330	4.189.689.086
Cộng	11.079.869.330	4.189.689.086

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận chuyển rác	343.730.859	526.914.863
Chi phí xử lý rác và nhân công đổ rác	116.215.116	121.011.618
Chi phí quà tết cho nhân viên	-	78.700.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	299.159.398	116.442.079
Cộng	759.105.373	843.068.560

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản thu dịch vụ vệ sinh đô thị phải nộp ngân sách Nhà nước	20.341.510.089	9.816.646.349
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	56.978.804	72.000
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	217.161.712	144.690.712
Cổ tức phải trả	6.688.000	4.598.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	123.293.475	-
Cộng	20.745.632.080	9.966.007.061

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	-	64.545.455
Cộng	-	64.545.455

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	64.545.455
Số tiền vay đã trả	(64.545.455)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	51.668.247	265.792.804	-	(51.668.247)	265.792.804
Quỹ dự phòng tiền lương ⁽ⁱ⁾	3.398.965.599	3.609.312.892	(3.398.965.599)	-	3.609.312.892
Chi phí thu gom, vận chuyển rác ⁽ⁱⁱ⁾	2.431.562.827	-	-	(1.796.438.617)	635.124.210
Cộng	5.882.196.673	3.875.105.696	(3.398.965.599)	(1.848.106.864)	4.510.229.906

- (i) Quỹ dự phòng tiền lương được dùng để chi trả tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động khi doanh nghiệp kinh doanh khó khăn hoặc gặp vấn đề về tài chính tạm thời mà không thể trả được đầy đủ. Mức trích lập quỹ dự phòng tiền lương không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện.
- (ii) Chi phí thu gom, vận chuyển rác bao gồm chi phí máy và nhân công ước tính để vận chuyển rác từ nhà máy xử lý rác Bến Tre về bãi rác An Hiệp, Ba Tri, Công ty chưa thể thực hiện giai đoạn sự cố môi trường.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	409.170.233	1.589.340.944	62.000.000	(631.220.000)	1.429.291.177
Quỹ phúc lợi	42.563.050	176.593.438	10.000.000	(91.800.000)	137.356.488
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	309.271.820	302.534.440	22.353.833	(331.625.653)	302.534.440
Cộng	761.005.103	2.068.468.822	94.353.833	(1.054.645.653)	1.869.182.105

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	10.774.061.787	6.268.841.693	53.042.903.480
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	7.377.480.583	7.377.480.583
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	1.105.887.159	(2.244.574.348)	(1.138.687.189)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	11.879.948.946	7.801.747.928	55.681.696.874
Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	11.879.948.946	7.801.747.928	55.681.696.874
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	11.208.363.632	11.208.363.632
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	3.910.710.624	(5.979.179.446)	(2.068.468.822)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	15.790.659.570	9.430.932.114	61.221.591.684

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	21.600.000.000	21.600.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hiệp Hòa	5.297.000.000	5.297.000.000
Ông Nguyễn Thanh Phong	1.800.000.000	1.800.000.000
Các cổ đông khác	7.303.000.000	7.303.000.000
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	21.600.000.000	60	21.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hiệp Hòa	5.297.000.000	14,71	5.297.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Phong	1.800.000.000	5	1.800.000.000	-
Các cổ đông khác	7.303.000.000	20,29	7.303.000.000	-
Cộng	36.000.000.000	100	36.000.000.000	-

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 21/NQ.ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	3.600.000.000	-	3.600.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.959.838.682	1.105.887.159	853.951.523
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.066.970.200	829.415.369	237.554.831
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	309.271.820	309.271.820	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 21/NQ.ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	3.056.759.101
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế)	1.528.379.551
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (1,5 tháng tiền lương thực hiện)	302.534.440

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	113.128.000	113.128.000
Trên 1 năm đến 5 năm	452.512.000	452.512.000
Trên 5 năm	2.008.022.000	2.121.150.000
Cộng	2.573.662.000	2.686.790.000

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực không quá 50 năm và đơn giá thuê đất được ổn định 05 năm và hết thời hạn ổn định, cơ quan thuế sẽ điều chỉnh lại đơn giá thuê đất áp dụng cho thời hạn tiếp theo theo quy định của Nhà nước.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thi công công trình	7.944.918.488	5.201.662.558
Doanh thu dịch vụ công ích	76.388.113.958	79.914.156.171
Doanh thu khác	261.071.618	171.470.879
Cộng	84.594.104.064	85.287.289.608

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thi công công trình	7.049.037.761	4.385.508.688
Giá vốn dịch vụ công ích	50.952.676.833	60.602.820.078
Giá vốn hoạt động khác	83.653.214	101.415.042
Cộng	58.085.367.808	65.089.743.808

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	507.605.133	855.872.902
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	28.493.480	47.950.581
Lợi nhuận được chia	1.019.166.628	1.848.044.789
Cộng	<u>1.555.265.241</u>	<u>2.751.868.272</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.102.531.384	9.610.582.073
Chi phí vật liệu quản lý	8.040.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	103.111.305	223.642.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.546.144	110.036.352
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	485.395.979
Dự phòng phải thu khó đòi	2.311.800.216	2.649.984.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.439.926	122.631.022
Các chi phí khác	2.461.182.487	1.837.157.330
Cộng	<u>15.744.651.462</u>	<u>15.039.429.358</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho công ty con thuê đất	27.875.000	11.150.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	51.668.247	117.302.414
Thu nhập khác	4.713.402	4.247
Cộng	<u>84.256.649</u>	<u>128.456.661</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí từ việc cho công ty con thuê đất	27.875.000	11.150.000
Tiền chậm nộp thuế	4.848.793	198.120.940
Chi phí khác	-	1
Cộng	<u>32.723.793</u>	<u>209.270.941</u>

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.520.348.791	12.870.639.455
Chi phí nhân công	33.228.568.070	37.121.494.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.556.479.840	2.249.731.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.511.673.021	19.853.267.272
Chi phí khác	12.968.115.044	9.254.974.207
Cộng	<u>70.785.184.766</u>	<u>81.350.107.022</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Ban điều hành, quản lý		
Chia cổ tức	122.170.000	110.390.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Tấn Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	541.853.749	551.899.559
Ông Nguyễn Ngọc Triệu - Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024)	285.106.550	580.806.601
Ông Lê Văn Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	482.146.407	471.442.634
Bà Huỳnh Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024)	106.107.524	-
Ông Đào Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị	73.200.000	84.000.000
Ông Nguyễn Thanh Phong - Thành viên Hội đồng quản trị	73.200.000	84.000.000
Ông Trịnh Văn Đâu - Trưởng Ban kiểm soát	432.408.105	452.251.166
Ông Võ Minh Hùng - Thành viên Ban kiểm soát	57.000.000	66.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thuần - Thành viên Ban kiểm soát	57.000.000	66.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc	450.757.527	484.323.866
Bà Trần Thị Vân Nghi - Kế toán trưởng	424.430.096	443.907.047
Cộng	<u>2.983.209.958</u>	<u>3.284.630.873</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Cổ đông nắm giữ 60% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hiệp Hòa	Công ty có Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre		
Chia cổ tức	2.160.000.000	2.160.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hiệp Hòa		
Mua tài sản cố định	2.125.000.000	-
Nhận cung cấp dịch vụ	-	7.600.000
Chia cổ tức	529.700.000	529.700.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.5, V.11 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. *Thông tin về bộ phận*

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ công ích và thi công công trình. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Trần Thị Hồng Mai
Người lập



Trần Thị Vân Nghi
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Lê Văn Vũ
Tổng Giám đốc

